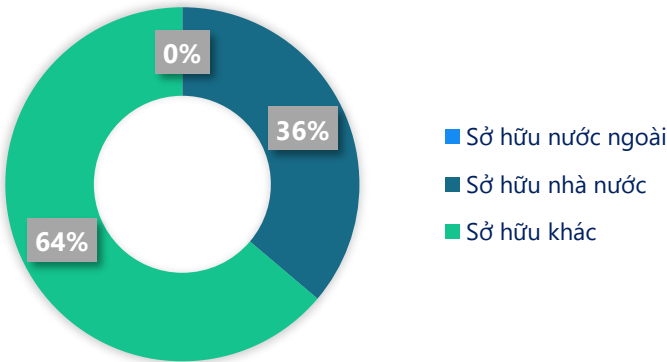


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		21,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,700
SL cổ phiếu LH		1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		33
P/E		376.1
EPS		58

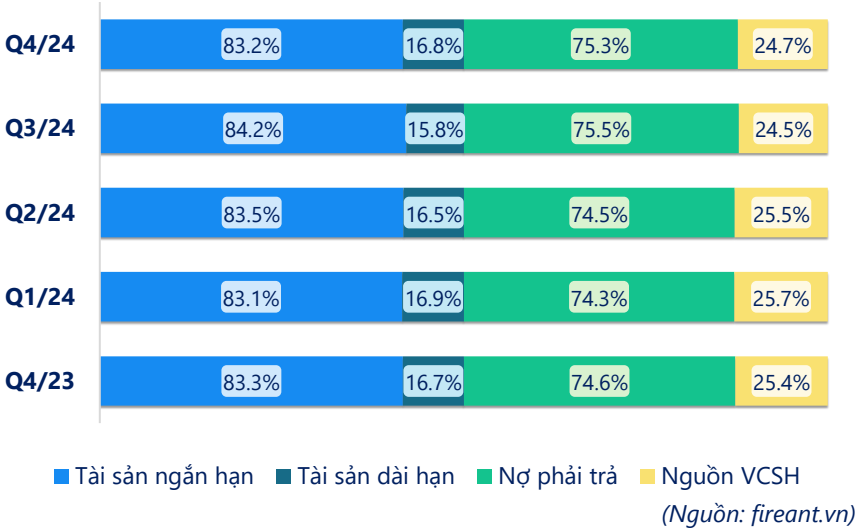
	YTD	1T	3T	6T
LCD		0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu

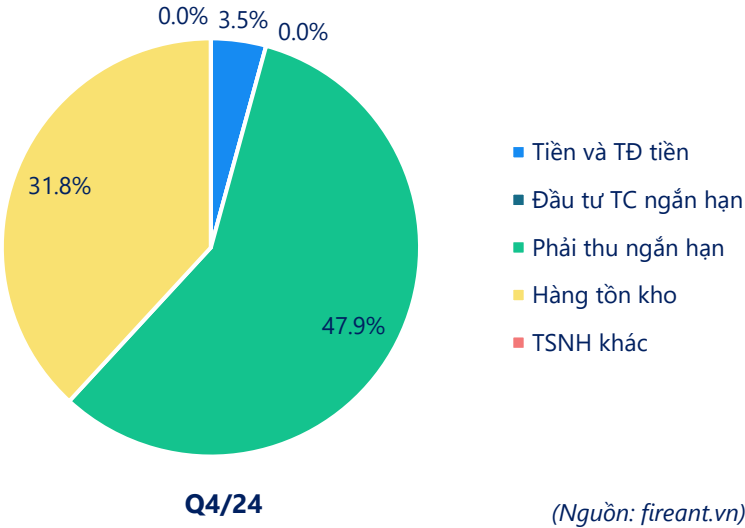


(Nguồn: fireant.vn)

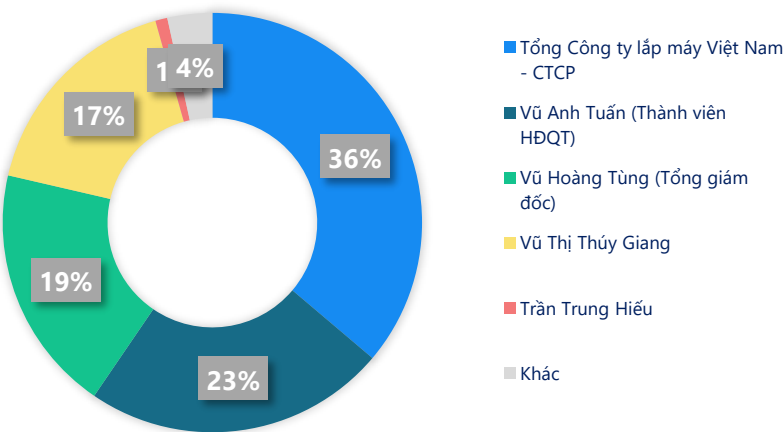
Cơ cấu Tổng tài sản



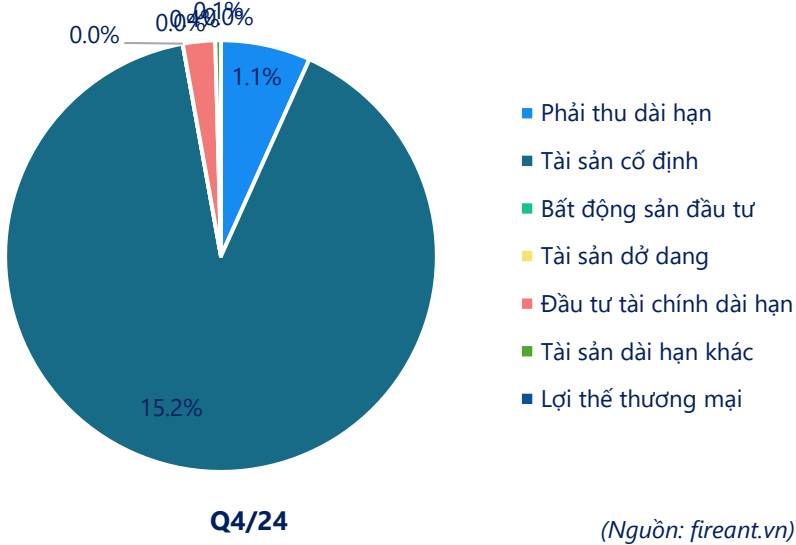
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

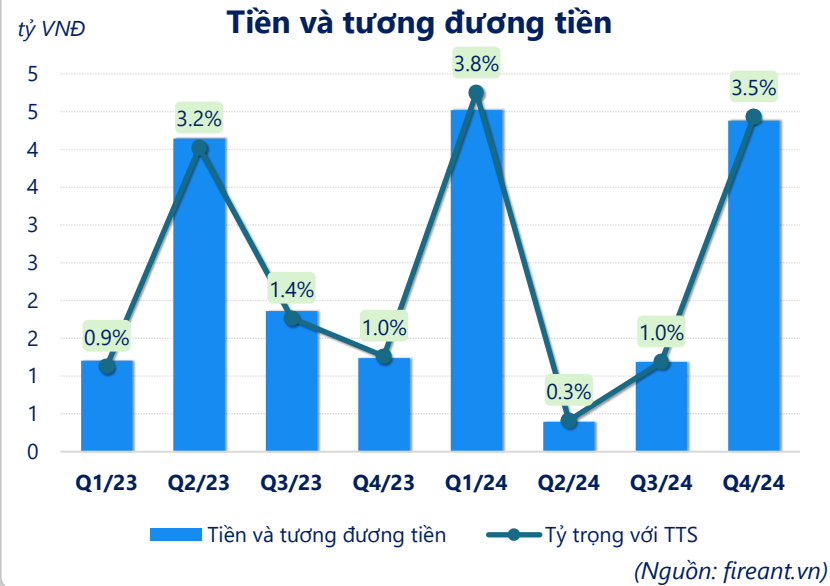
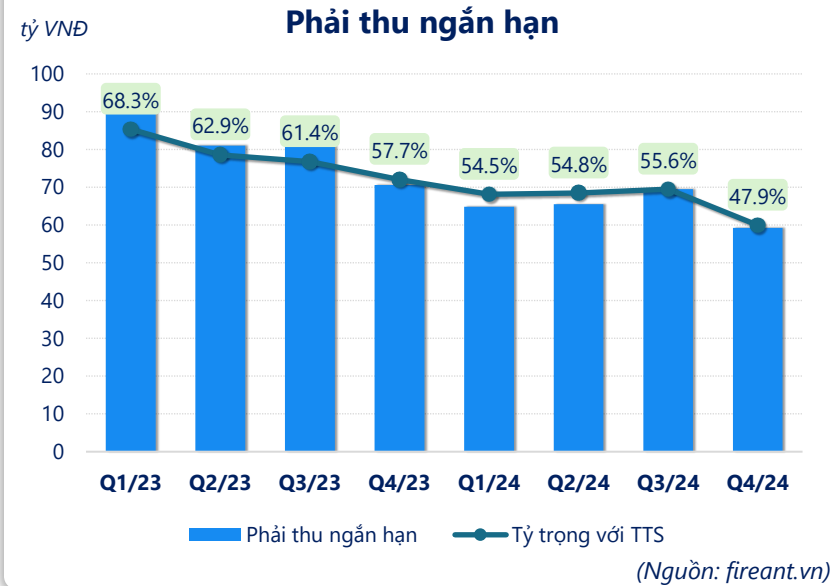
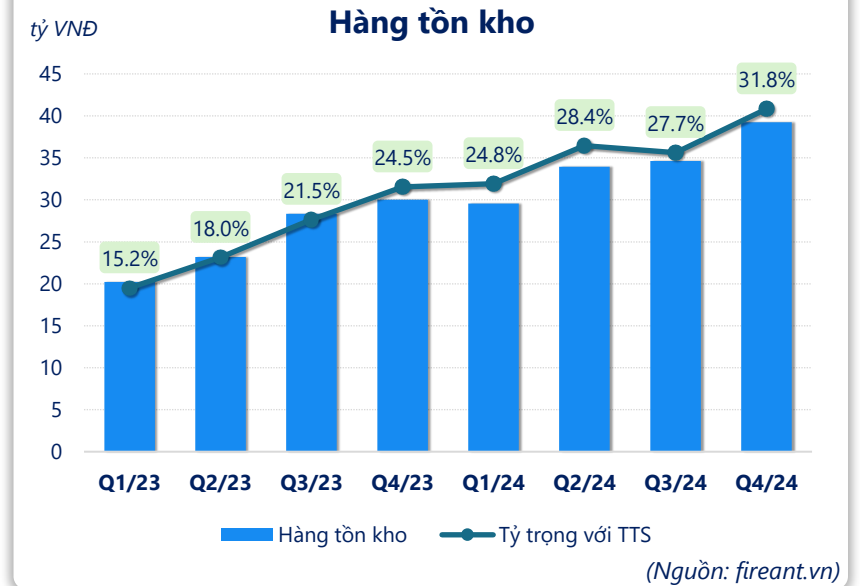
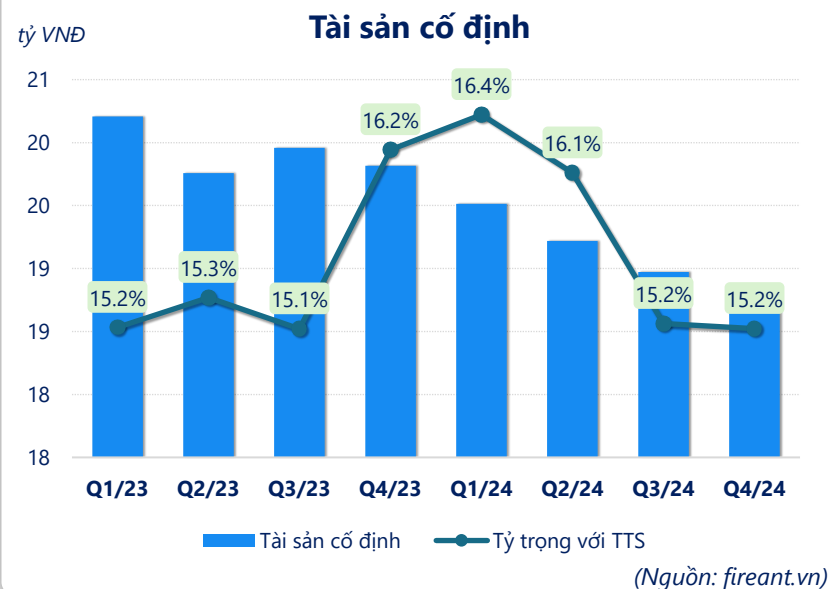
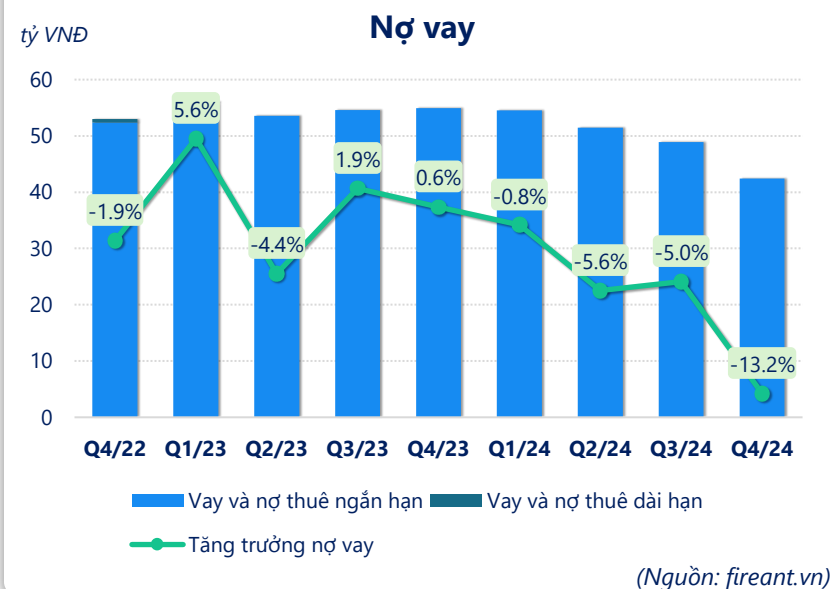
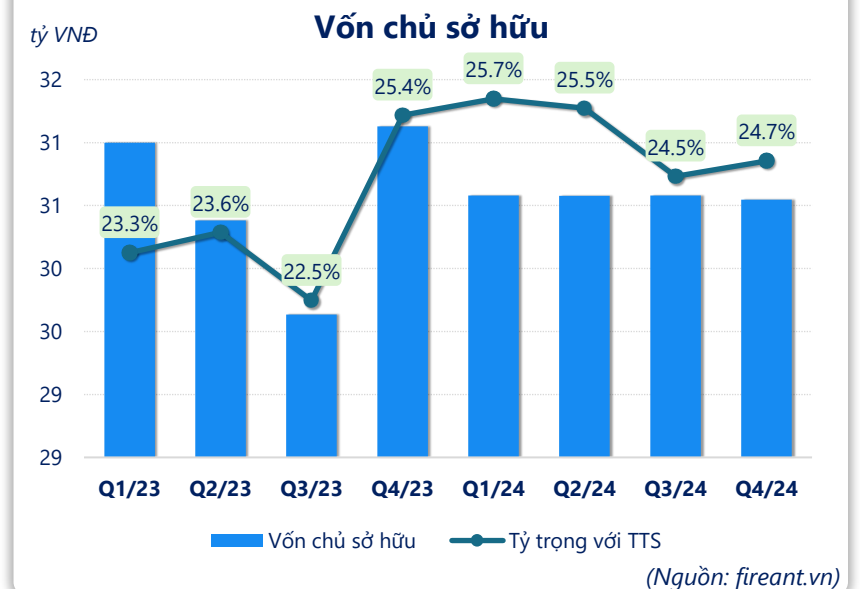


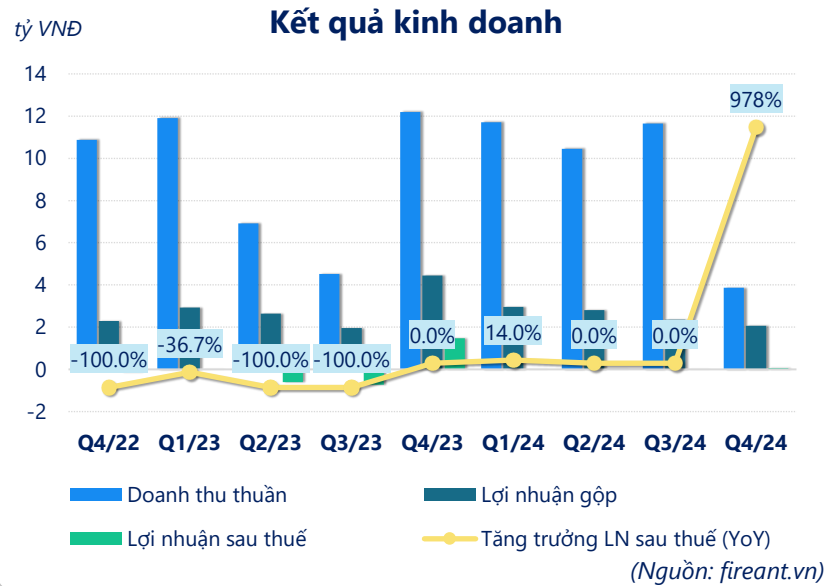
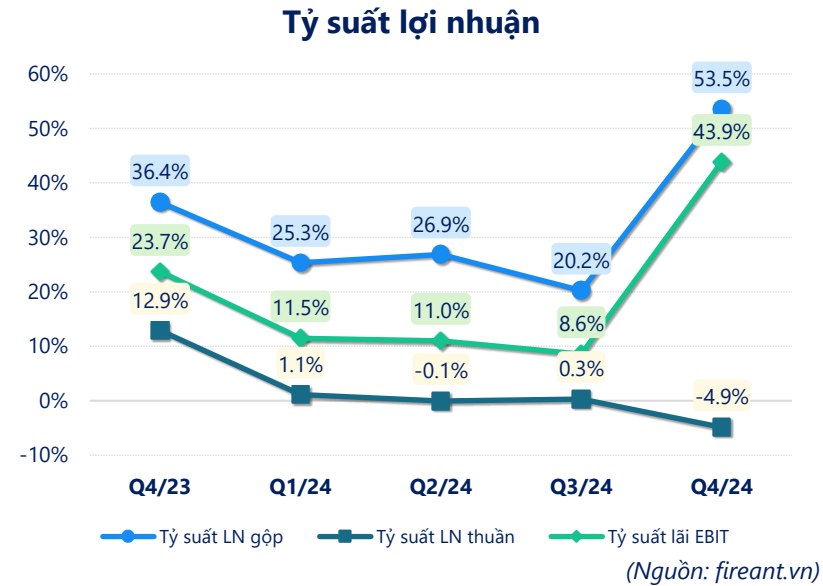
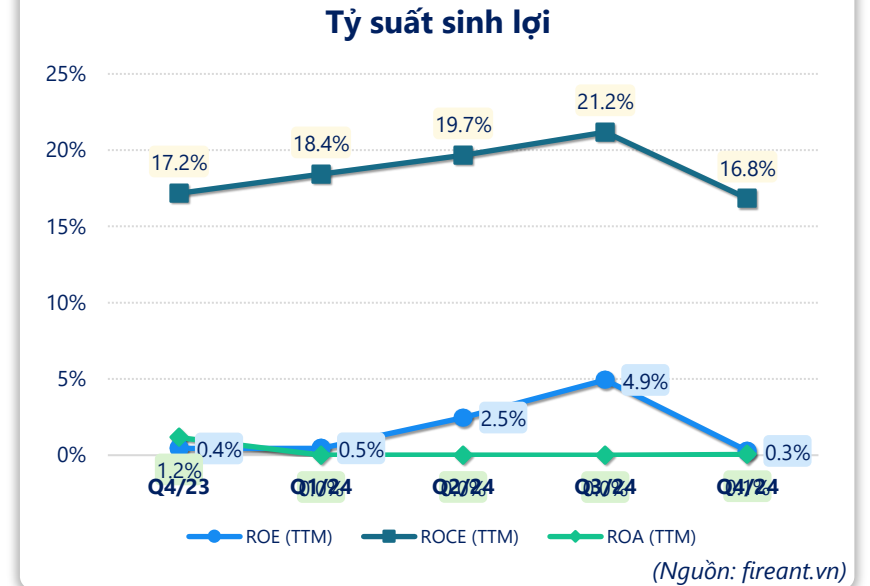
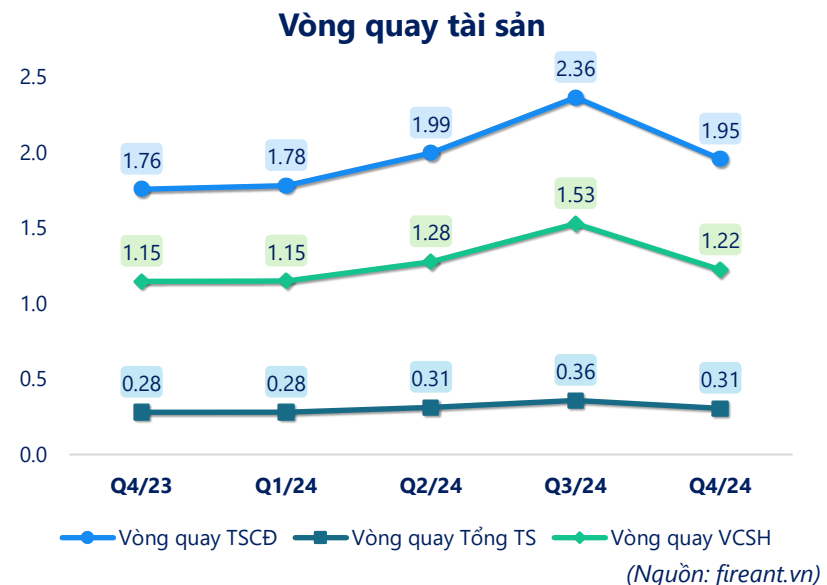
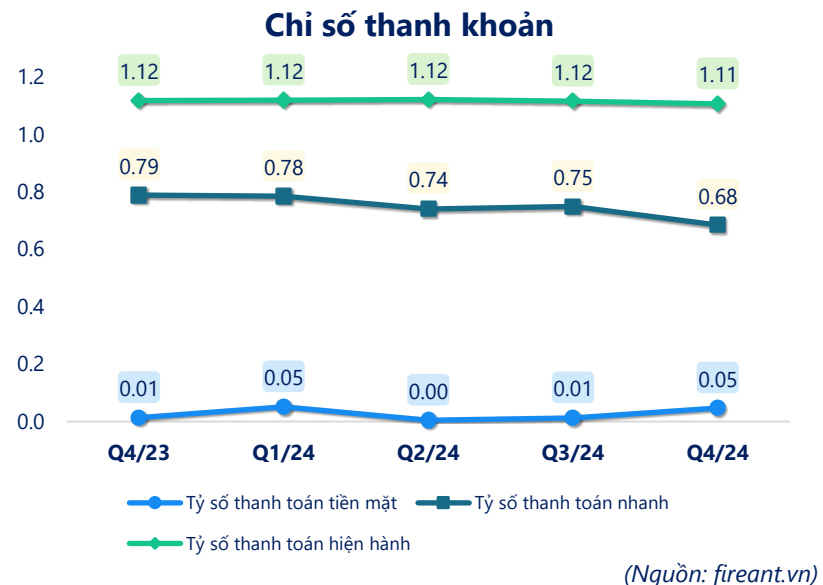
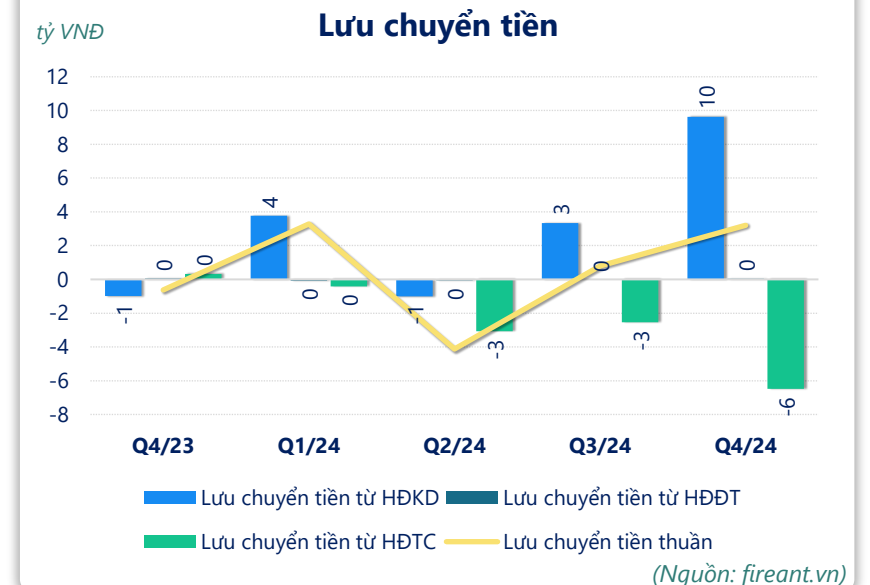
Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	124	122	1.7%
Tài sản ngắn hạn	103	101	1.8%
Tiền và tương đương tiền	4.38	1.24	254%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	59.3	69.9	-15.2%
Hàng tồn kho	39.3	30.0	30.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0	
Tài sản dài hạn	20.7	20.4	1.3%
Phải thu dài hạn	1.39	0	
Tài sản cố định	18.7	19.8	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.13	-32.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.1	91.0	2.3%
Nợ ngắn hạn	93.1	91.0	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.4	54.9	-22.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.49	3.43	89.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.5	30.6	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	30.5	30.6	-0.1%
Vốn điều lệ	15.0	15.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	12.2	11.7	10.5	11.6	3.87
Giá vốn hàng bán	7.75	8.74	7.65	9.29	1.80
Lợi nhuận gộp	4.44	2.96	2.81	2.35	2.07
Doanh thu HĐTC	0.04	0.00	0.02	0.00	0.03
Chi phí TC	1.35	1.31	1.14	0.98	0.88
Chi phí lãi vay	1.35	1.31	1.14	0.98	0.88
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.56	1.52	1.69	1.33	1.41
LN thuần từ HĐKD	1.57	0.13	-0.01	0.04	-0.19
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.10	0.02	-0.02	1.00
LN trước thuế	1.54	0.03	0.02	0.02	0.81
Lợi nhuận sau thuế	1.47	0.00	0.01	0.00	0.07
LNST của CĐ cty mẹ	1.47	0.00	0.01	0.00	0.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.99	3.78	-1.00	3.34	9.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-0.07	-0.06	0	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.31	-0.42	-3.06	-2.55	-6.47
Tiền đầu kỳ	1.86	1.24	4.52	0.40	1.19
Lưu chuyển tiền thuần	-0.62	3.28	-4.12	0.79	3.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.24	4.52	0.40	1.19	4.38

(Nguồn: fireant.vn)